TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HSPT
Ngày 07-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Hùng và ông Trần Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2017/HSPT ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Quang S và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2017/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Quang S, sinh ngày 15/7/1999 tại Thôn G, thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc C (đã chết) và bà Đặng Thị Y; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2016 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn V, xã B1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Quan Thị S và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/9/2016 bị Công an huyện B xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi đánh nhau ngày 23/4/2016. Bị cáo bị bắt giam từ ngày 23/9/2016 đến nay (có mặt).

3. Họ và tên: Phan Văn D, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn X, xã E, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn I và bà Phạm Thị O; có vợ là Nguyễn Thị U và có 02 con, lớn

sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2016 đến nay (có mặt).

4. Họ và tên: Đặng Văn N, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn L1 và bà Tạ Thị A1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo ra đầu thú sau đó bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2016 đến nay (có mặt).

Ngoài ra còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị được Tòa án triệu tập là:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn S1 (tức S2), sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Họ và tên: Trần Quỳnh A2, (tức Nam) sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn V, xã B1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

- Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1977; trú tại: Thôn Q, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Ông Lâm Quang N1 là Luật sư Văn phòng luật sư H1 - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quang S: Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng, là mẹ của bị cáo (có mặt).

Những người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N và bị cáo Phan Văn D:

1. Ông Lâm Quang N1 là Luật sư Văn phòng luật sư H1 - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Ông Nguyễn Khánh H2 và bà Hoàng Thị Minh D1 là Luật sư Công ty Luật TNHH T1 - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn H là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV T2 - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

4. Ông Dương Minh Đ là Luật sư Chi nhánh văn phòng Luật sư số 1 Vĩnh Phúc tại Hà Nội - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc tại Hà Nội (có mặt).

5. Ông Nguyễn Văn C1 và ông Nguyễn Hà A3 là Luật sư Công ty Luật TNHH thực hành Luật I1 - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 12/4/2016, Nguyễn Quang S đi lên hồ Đ1 thuộc xã N2, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc để chơi, chụp ảnh cùng các chị: Triệu Thị L2, Thạch Thị V1 (tên thường gọi là Nguyễn Thị V2), Phan Thị Thu N3 (tên thường gọi là A4) và Lê Thị Thu T3. Khi lên đến hồ Đ1 thì các chị L2, V1, N3, T3 chơi và chụp ảnh tại cầu nhảy ven hồ Đ1 còn Sự quay về xã B1, huyện B có việc. Trên đường về Sự gặp 03 nam thanh niên gồm: Anh Nguyễn Văn Q1, anh

Nguyễn Văn T4 và anh Nguyễn Thái S3 đi xe máy ngược chiều với S lên hồ Đ1 trong đó S nhận ra anh Q1 là người đã mâu thuẫn thách thức đánh nhau với S trên Facebook từ trước. Khi nhóm của anh Q1 lên đến khu vực cầu nhảy hồ Đ1 thì cả nhóm gặp, đứng nói chuyện với các chị L2, T3, N3, V1. Sau đó cả ba người là Q1, T4 và Sơn xuống hồ Đ1 tắm.

Sau khi phát hiện nhóm anh Q1 đi lên khu vực hồ Đ1 thì S đi về xã B1, huyện B, sau đó S gọi điện thoại cho 04 người gồm: Trần Quỳnh A2 (tên thường gọi là Nam), Đặng Văn N, Đặng Văn H3 (tên gọi khác là C2) và Phan Văn D bảo lên hồ Đ1 với mục đích gặp để rủ đi đánh anh Q1. Sau khi nhận được điện thoại của S, A2 gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn T đi lên hồ Đ1 có việc, rồi A2 đi xe mô tô đến nhà đón T đi cùng; H3 gọi điện thoại rủ và được Nguyễn Văn S1 (tên thường gọi là S2) đồng ý đi lên hồ Đ1 có việc. Khi nhóm của S gồm 8 người: S, H3, A2, T, S1, C1, N1 và một đối tượng tên H (tên gọi khác là B3) gặp nhau tại ngã ba hồ Đ1 thuộc địa phận xã N2, thị xã P, S có hành vi rủ và được H3, A2, T, S1, C1, N1 và H (B3) đồng ý đi đánh anh Q1 tại khu vực cầu nhảy bờ hồ Đ1 thuộc địa phận thôn G1, xã N2, thị xã P. S bảo S1 xuống gây sự trước, sau đó S1 và S đi bộ đến chỗ anh T4, anh S3, anh Q1 đang ngồi trên xe máy, xe dựng chân chống phụ, anh Q1 cầm tay lái, anh T4 cởi trần ngồi giữa, anh S3 ngồi sau cùng. S1 chửi "chúng mày thích nhìn đểu không", anh Q1 nói lại "đâu bọn em có nhìn đểu đâu", thì bị S1 lao vào đạp vào xe mô tô do anh Q1 cầm tay lái, làm xe bị đổ nghiêng. Anh T4, Q1, S3 nhảy ra khỏi xe, anh T4 cầm chiếc áo đang vắt trên vai quật lại S1 nhưng không trúng người, S1 lao vào dùng tay đấm thẳng vào mặt anh T4, anh T4 lùi về sau 1,2 bước. Tiếp đó S, H3, S1, C1, T, và H lao vào dùng chân, tay đánh anh T4, còn anh Q1 và anh S3 bỏ chạy thì bị N1 và A2 dồn đuổi đánh nhưng không đuổi kịp và không đánh được nên N1 và A2 quay lại cùng S1, S, H3, C1, T và H dùng chân, tay đánh anh T4. Tiếp đó S nhặt 01 hòn đá kích thước khoảng 7x10cm cầm ở tay phải đứng sát ngang vai bên phải của anh T4 đang nằm ngửa, đầu nghiêng sang bên trái, đầu hướng ra hồ Đ1, S cúi xuống đập 01 cái vào vùng đầu phía chẩm sau bên phải làm anh T4 bất tỉnh, chảy máu vùng đầu. Sau khi đánh anh T4 xong S vứt hòn đá xuống hồ Đ1 rồi cả nhóm đi về. Tại thời điểm S cùng đồng bọn đánh anh T4 có mặt các chị L2, N3, T3, V1 đứng cách hiện trường nơi xảy ra đánh nhau khoảng 05m và đã chứng kiến toàn bộ sự việc xảy ra.

Anh Nguyễn Văn T4 được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa P, Bệnh viện V4, Bệnh viện M, ngày 16/10/2016 thì tử vong.

Theo Kết luận giám định của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc, Viện pháp y Quốc gia và các văn bản trả lời của Viện pháp y Quốc gia xác định: Nguyên nhân tử vong của người bị hại do suy gan, ứ mật và việc anh T4 bị chấn thương ngày 12/4/2016 không là nguyên nhân gây ra bệnh lý gan, mật mà là yếu

tố làm tăng tình trạng bệnh lý và làm cho quá trình suy gan, ứ mật diễn ra nhanh hơn.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2017/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P đã quyết định:

T4 bố các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D và Đặng Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 3 Điều 104; Điều 69, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Quang S 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/9/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Phan Văn D, Đặng Văn N và Nguyễn Văn T. Riêng bị cáo Phan Văn D áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn N 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/9/2016.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/9/2016.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/9/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo khác; quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2017 các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T và Đặng Văn N; ngày 06/10/2017 bị cáo Phan Văn D; ngày 04/10/2017 bà Đặng Thị Y là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Quang S; ngày 11/10/2017 ông Lâm Quang N1 là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang S có đơn kháng cáo với nội dung các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T; Đặng Văn N và Phan Văn D không thực hiện hành vi phạm tội đề nghị tuyên các bị cáo không phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N và kháng cáo của người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang S; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2017/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã P.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D và Đặng Văn N có quan điểm: Về lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ

vụ án có nhiều mâu thuẫn về diễn biến hành vi phạm tội và thay đổi qua từng thời điểm khác nhau. Lời khai của các bị cáo có dấu hiệu bị ép cung nên những lời khai này đều không có giá trị chứng minh. Lời khai của người làm chứng có sự mâu thuẫn không thống nhất khi làm việc tại Cơ quan điều tra. Về vật chứng của vụ án không được thu thập trong hồ sơ vụ án, không có vật chứng mẫu và vật chứng mà bản cáo trạng mô tả không phù hợp với cơ chế gây thương tích cho người bị hại Nguyễn Văn T4. Kết quả khám nghiệm hiện trường không phù hợp với lời khai của các bị cáo như lời khai ghi có vũng máu nhưng biên bản hiện trường không ghi nhận dấu vết nào. Việc lấy lời khai đối với người chưa thành niên không đúng quy định pháp luật nên không có giá trị pháp lý. Về nguyên nhân chết của người bị hại Nguyễn Văn T4 được viện pháp y Quốc gia kết luận là do Suy gan, ứ mật, ung thư đường mật trong gan giai đoạn cuối. Nhận định của Viện pháp y Quốc gia đã bác bỏ kết luật tổn hại sức khỏe anh T4 81% của trung tâm giám định pháp y tỉnh Vĩnh Phúc. Các yếu tố ảnh hưởng đến cái chết của người bị hại T4 là do bệnh lý ung thư đường mật trong gan. Hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên chưa đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội và giả sử có phạm tội thì hành vi gây thương tích của các bị cáo không dẫn đến cái chết của anh T4. Với các lý lẽ nêu trên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại và trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa; khởi tố vụ án về hành vi cố ý làm sai lệnh hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Quang S có quan điểm là hoàn toàn đồng ý với quan điểm của Luật sư bào chữa, không có bổ sung gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang S trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên, Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã P trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mặc dù quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo có ý kiến là có dấu hiệu của việc ép cung nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì làm cơ sở chứng minh. Do đó các hành

vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện ở cấp sơ thẩm đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Trong giai đoạn điều tra các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Trần Quỳnh A2, Nguyễn Văn S1 và Đặng Văn N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đầu thú, khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố và Tòa án nhân dân thị xã P đã xét xử. Kết quả thực nghiệm điều tra: Cơ quan điều tra đã cho các bị cáo Trần Quỳnh A2, Nguyễn Văn S1, Đặng Văn N và Phan Văn D thực nghiệm lại hành vi của các bị cáo đã thực hiện đúng như lời nhận tội của các bị cáo, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên toà sơ thẩm các bị cáo Trần Quỳnh A2 và Nguyễn Văn S1 đã hoàn toàn thừa nhận, khai rõ việc cùng với các bị cáo C1, S, T, N1 tấn công người bị hại T4 đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đã truy tố; còn các bị cáo C1, S, T và N1 không thừa nhận hành vi của mình. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn cá nhân trên mạng xã hội, nên khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 12/4/2016, Nguyễn Quang S có hành vi rủ và được H3, A2, T, S1, C1, N1 và H (B3) đồng ý đi đánh anh Q1 tại khu vực cầu nhảy bờ hồ Đ1 thuộc địa phận thôn G1, xã N2, thị xã P. Nguyễn Quang S đã bảo S1 xuống gây sự trước, sau đó S1 và S đi bộ đến chỗ anh T4, anh S3, anh Q1 đang ngồi trên xe máy, S1 chửi "chúng mày thích nhìn đểu không", anh Q1 nói lại "đâu bọn em có nhìn đểu đâu", thì bị S1 lao đến đạp vào xe mô tô do anh Q1 cầm tay lái, làm xe bị đổ nghiêng. Anh T4, anh Q1, anh S3 nhảy ra khỏi xe, anh T4 cầm chiếc áo đang vắt trên vai quật lại S1 nhưng không trúng, S1 lao vào dùng tay đấm thẳng vào mặt anh T4, anh T4 lùi về sau 1, 2 bước. Tiếp đó S, H3, S1, C1, T và H lao vào dùng chân, tay đánh anh T4, còn anh Q1 và anh S3 bỏ chạy thì bị N1 và A2 dồn đuổi đánh nhưng không đuổi được. Do vậy N1 và A2 quay lại cùng với S1, S, H3, C1, T và H dùng chân, tay đánh anh T4. Tiếp đó S nhặt 01 hòn đá kích thước khoảng 07x10cm cúi xuống đập 01 phát vào vùng đầu phía chẩm sau bên phải làm anh T4 bất tỉnh, chảy máu vùng đầu. Sau khi đánh anh T4 xong, S vứt hòn đá xuống hồ Đ1 rồi cả nhóm đi về. Toàn bộ sự việc Nguyễn Quang S cùng đồng bọn đánh anh T4 có mặt các chị L2, N3, T3, Văn cách hiện trường vụ án khoảng 05m đã chứng kiến toàn bộ sự việc. Sau khi sự việc xảy ra, anh Nguyễn Văn T4 bị thương tích và bị hôn mê được đưa đi cấp cứu và điều trị tại các bệnh viện đến ngày 16/10/2016 thì tử vong.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo cùng tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, hậu quả do

hành vi phạm tội gây ra để xét xử các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D và Đặng Văn N về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, không oan sai.

[4] Xét về yêu cầu kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang S; Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào các biên bản đầu thú và các lời khai ban đầu của chính các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Đặng Văn N; lời khai của bị cáo Phan Văn D tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo Trần Quỳnh A2, Nguyễn Văn S1, người làm chứng T3, N3, V2 phù hợp biên bản thực nghiệm điều tra cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D và Đặng Văn N đã thực hiện hành vi tấn công đối với người bị hại Nguyễn Văn T4. Hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra làm người bị hại Nguyễn Văn T4 bị chết. Do đó các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D và Đặng Văn N phải chịu trách nhiệm về cái chết của người bị hại T4. Do vậy kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D và Đặng Văn N; người đại diện hợp pháp và Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang S không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Xét về những quan điểm của các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo S; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N và người đại diện hợp pháp cho bị cáo S, Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng lời khai nhận ban đầu của các bị cáo về việc cùng tham gia tấn công người bị hại Nguyễn Văn T4 làm anh T4 bị thương dẫn đến chết là hành vi vi phạm pháp luật là không đúng sự thật. Các bị cáo đều lý giải việc khai như vậy do bị cơ quan điều tra ép cung, bức cung, mớm cung, dụ cung. Tuy nhiên, các bị cáo không có tài liệu, căn cứ gì chứng minh. Do vậy việc các bị cáo cho rằng bị cơ quan điều tra ép cung, mớm cung, bức cung và dụ cung không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Về việc chứng minh tội phạm của cơ quan tiến hành tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố. Cụ thể đó là: Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; Quyết định áp dụng, thay đổi các biện pháp nhăn chặn; lấy lời khai của các bị

can, người làm chứng, người liên quan và tiến hành đối chất khi có mâu thuẫn….đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Ban đầu các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N đều thành khẩn khai rõ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm nhưng càng về sau khi Luật sư do gia đình các bị cáo mời bào chữa thì có sự thay đổi theo hướng các bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan đúng pháp luật như: Các lời khai ban đầu của chính bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N, lời khai của người làm chứng, lời khai của người liên quan phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn về cơ chế hình thành vết thương, các biên bản hiện trường…đã có đủ căn cứ chứng minh các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N thực hiện hành vi như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Vì vậy việc các bị cáo và Luật sư bào chữa cho các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quang S cho rằng cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời nhận tội ban đầu của các bị cáo để truy tố, xét xử là không đúng nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nguyên nhân chết của người bị hại Nguyễn Văn T4: Quá trình giải quyết vụ án có đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N và đồng phạm đã thực hiện hành vi trái pháp luật là tấn công làm anh T4 bị thương dẫn đến bị chết. Trước khi các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N có hành vi tấn công anh T4 thì anh T4 vẫn mạnh khỏe, sinh hoạt bình thường và kể từ khi các bị cáo có hành vi tấn công thì anh T4 bị thương phải điều trị tại bệnh viện dẫn đến tử vong. Vì vậy các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N phải chịu trách nhiệm với hậu quả do mình gây nên. Mặc dù nội dung bản kết luận giám định pháp y của Viện pháp y quốc gia kết luận nguyên nhân tử vong của anh T4 là suy gan, ứ mật giai đoạn cuối do ung thư đường mật, tuy nhiên nếu các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N không dùng chân, tay đấm đá vào người, dùng đá đánh vào đầu anh T4 ngày 12/4/2016 thì anh T4 không thể chết vào ngày 16/10/2016 được. Nguyên nhân anh T4 bị chết vào ngày 16/10/2016 được thể hiện rõ trong công văn số 223/PYQG ngày 05 tháng 6 năm 2017 và công văn số 38/PYQG-GĐ ngày 06/02/2018 của Viện pháp y Quốc gia gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty Luật TNHH T1, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc có nội dung "…đây là yếu tố làm tăng tình trạng bệnh lý có sẵn và làm cho quá trình tử vong của nạn nhân

diễn ra nhanh hơn". Vì vậy việc các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D, Đặng Văn N và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Quang S cho rằng các bị cáo không phải trách nhiệm đối với tử vong của người bị hại Nguyễn Văn T4 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc triệu tập các Điều tra viên, Giám định viên và những người làm chứng đến phiên tòa phúc thẩm; Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng trình tự do pháp luật quy định để chứng minh các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D và Đặng Văn N thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên. Các tài liệu này thu thập đều hợp pháp, mặc dù Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng những tài liệu này không có giá trị chứng minh do các bị cáo đã bị cơ quan điều tra bị ép cung, dùng nhục hình để các bị cáo khai không đúng sự thật nhưng không có căn cứ chứng minh về việc này. Mặc dù bộ Luật Tố tụng hình sự quy định Hội đồng xét xử có quyền triệu tập các Điều tra viên giải quyết vụ án đến phiên tòa để giải trình, làm rõ những tình tiết liên quan đến vụ án. Tuy nhiên trong vụ án này, các tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập đảm bảo đúng trình tự tố tụng, đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải triệu tập các Điều tra viên đến phiên tòa là phù hợp. Đối với các kết luận Giám định của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc và Viện pháp y Quốc gia đã thể hiện rõ quan điểm trong các bản Kết luận giám định, trong các công văn của Viện pháp y Quốc gia gửi Cơ quan cảnh sát điều tra và gửi Công ty Luật TNHH T1 trả lời rõ tác động của các bị cáo đối với nguyên nhân người bị hại chết là "…yếu tố tăng tình trạng bệnh lý có sẵn và làm cho quá trình tử vong của nạn nhân diễn ra nhanh hơn". Đối với lời khai của người làm chứng Trần Quỳnh A2, N3, T3, V2 là rõ ràng, tận mắt nhìn thấy các bị cáo dùng chân, tay tấn công người bị hại đã thể hiện rõ trong các bản tự khai, kiểm điểm, biên bản lấy lời khai nên không cần thiết bắt buộc họ phải có mặt tại phiên tòa. Do vậy yêu cầu bắt buộc phải triệu tập Điều tra viên, Giám định viên và người làm chứng đến phiên tòa phúc thẩm của các bị cáo, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Luật sư bào chữa cho các bị cáo là cần phải triệu tập và tiến hành lấy lời khai của một số người làm chứng mới dùng làm căn cứ chứng minh bị cáo không có mặt tại nơi xảy ra vụ án thấy rằng: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo có xác nhận của Luật sư bào chữa, người đại diện hợp pháp; lời khai của người làm chứng, người liên

quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ xác định các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử. Mặt khác những người mà Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị triệu tập đến phiên tòa làm chứng thì có một số người đã được cơ quan điều tra lấy lời khai, có người chưa được lấy lời khai nhưng họ lại là người thân của các bị cáo sẽ không có giá trị chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời khai của bị cáo Nguyễn Văn S1 tại phiên tòa phúc thẩm; Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm S1 khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình và các đồng phạm khác như bản án sơ thẩm đã nhận định. Tại phiên tòa phúc thẩm khi được Hội đồng xét xử hỏi S1 vẫn thừa nhận hành vi của mình và đồng phạm như đã khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, khi Luật sư bào chữa cho các bị cáo hỏi thì S1 thay đổi lời khai theo hướng không phạm tội và lý giải cho việc thay đổi lời khai này là do S1 không thực hiện hành vi tham gia đánh anh T4, vì thấy các bị cáo khác khai là S1 có đánh anh T4 thì S1 khai ra họ. Về lời khai của Nguyễn Văn S1 tại phiên tòa phúc thẩm theo hướng không phạm tội thấy rằng: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm Nguyễn Văn S1 đã bị tác động nhằm thay đổi lời khai theo hướng không phạm tội, điều này đã thể hiện rõ trong bản báo cáo của Nguyễn Văn S1 gửi Ban giám thị trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc ngày 21/02/2018 có nội dung là Nguyễn Văn T bảo S1 không được khai về T và đồng phạm tham gia đánh anh T4, T còn đe dọa nếu S1 khai T và đồng phạm đánh anh T4 thì gia đình S1 (bao gồm: bố, mẹ, vợ, con của S1) sẽ gặp khó khăn. Thời điểm T đe dọa S1 là lúc dẫn giải T, S1 và đồng phạm đến phiên tòa ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bị hoãn. Vì vậy lời khai của Nguyễn Văn S1 tại phiên tòa phúc thẩm về việc không cùng đồng phạm tham gia đánh anh T4 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với vật chứng của vụ án là hòn đá mà bị cáo Nguyễn Văn S dùng đánh anh T4: Bị cáo Nguyễn Quang S khai nhận sau khi dùng đánh anh T4 đã ném xuống hồ, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không được. Việc truy tìm vật chứng của cơ quan điều tra có sự tham gia của Luật sư Lâm Quang N1 là người bào chữa cho các bị cáo thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy, vật chứng của vụ án là một trong những căn cứ để chứng minh tội phạm. Tuy nhiên, việc không thu giữ được vật chứng không có nghĩa là không đủ căn cứ chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này mặc dù cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng nhưng căn cứ vào lời khai của các bị cáo và lời khai của người làm chứng đã mô tả vật chứng hoàn toàn phù hợp

với nhau, phù hợp với thương tích để lại trên thân thể người bị hại. Do vậy việc các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng phải có vật chứng của vụ án mới chứng minh được hành vi phạm tội là máy móc và không khả thi.

Đối với biên bản đối chất tại các bút lục 1529 và 1530 có bà Nguyễn Thị Thơm là người thân của ông Nhâm tham gia; biên bản ghi thành phần làm việc có 6 người mà có 9 người ký; Hội đồng xét xử thấy rằng: Nội dung biên bản là khách quan, đúng sự thật có sự tham gia của Luật sư Lâm Quang N1 là người được gia đình các bị cáo mời. Hình thức biên bản ghi 6 người làm việc mà có 9 người ký theo Luật sư H và các Luật sư khác có dấu hiệu của tội cố ý làm sai lệnh hồ sơ vụ án là không có căn cứ vì: Đây là lỗi cẩu thả của người lập biên bản do ghi không hết thành phần tham gia buổi làm việc và không thể chỉ căn cứ vào lỗi này để xác định là cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án; mặt khác ngoài biên bản đối chất này còn nhiều biên bản đối chất, biên bản lấy lời khai khác có giá trị chứng minh và đây không phải tài liệu, chứng cứ duy nhất dùng làm căn cứ chứng minh tội phạm.

Đối với việc cơ quan điều tra không cung cấp chứng cứ vật chất dùng làm căn cứ xác định giữa các bị cáo có gọi điện thoại cho nhau hay không thấy rằng: Cơ quan điều tra đã yêu cầu Công ty viễn thông quân đội cung cấp các cuộc gọi đi, gọi đến giữa các số điện thoại của bị cáo nhưng không có kết quả do thời gian đã lâu. Tuy nhiên, việc Công ty viễn thông không cung cấp danh sách các cuộc gọi giữa các bị cáo không có nghĩa là không chứng minh được việc các bị cáo có gọi điện thoại cho nhau hay không. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng đã phù hợp với nhau, phù hợp với diễn biến của vụ án đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo gọi điện thoại, rủ nhau đến đánh người bị hại T4 tại bờ hồ Đ1.

Về thực nghiệm điều tra: Các bị cáo, Luật sư bào chữa của các bị cáo cho rằng cơ quan điều tra không thực nghiệm điều tra tại nơi xảy ra vụ án mà thực nghiệm điều tra tại trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc là vi phạm thủ tục tố tụng, không có giá trị pháp lý thấy rằng: Pháp luật tố tụng hình không quy định bắt buộc khi giải quyết vụ án cơ quan điều tra phải thực nghiệm điều tra tại nơi xảy ra vụ án. Do vậy việc cơ quan điều tra thực nghiệm điều tra tại trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc mà không thực nghiệm điều tra tại nơi xảy ra vụ án là bờ hồ Đ1 là không trái pháp luật nên hợp pháp, có giá trị pháp lý.

Đối với lời khai của bà Đặng Thị Y là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Quang S tại phiên tòa về việc không tham gia lấy lời khai đối với bị cáo S là người chưa thanh niên thấy rằng: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ

án thể hiện khi cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đối với Nguyễn Quang S là người chưa thành niên thì đều có chữ ký của bà Yên trong biên bản. Do vậy không có cơ sở xác định cơ quan điều tra vi phạm tố tụng khi lấy lời khai đối với người chưa thành niên.

Về việc bị cáo Phan Văn D khai cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo điện thoại, dép, đồng hồ, dây lưng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm mới xem xét điện thoại, còn các tài sản khác chưa được xem xét thấy rằng: Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Phan Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả lại cho bị cáo là phù hợp. Việc bị cáo Phan Văn D khai tại phiên tòa phúc thẩm là cơ quan điều tra thu giữ thêm dép, đồng hồ, dây lưng thì tài liệu có trong hồ sơ vụ án không thể hiện việc thu giữ tài sản này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Tóm lại: Khi xem xét, đánh giá bất kỳ một sự vật, hiện tượng nào thì chúng ta cần phải nhìn nhận, đánh giá nó một cách tổng thể, toàn diện với cái nhìn khách quan, chân thực. Nếu chúng ta nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng đó một cách phiến diện, một chiều dựa trên nhận thức ý chí chủ quan thì không thấy rõ bản chất sự vật, hiện tượng đó. Trong vụ án này, mặc dù có sự mâu thuẫn trong một số lời khai, tuy nhiên tổng hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Quang S, Đặng Văn N, Phan Văn D và Nguyễn Văn T thực hiện hành vi tấn công gây thương tích và là một trong những nguyên nhân đẩy nhanh quá trình tử vong của người bị hại Nguyễn Văn T4. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã gây ra cho người bị hại và Tòa án nhân dân thị xã P xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

Vì vậy kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D và bị cáo Đặng Văn N; kháng cáo của người đại diện hợp pháp và Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang S không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2017/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn T, Phan Văn D và bị cáo Đặng Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 3 Điều 104; Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Quang S 06 (sáu) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/9/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Đặng Văn N 06 (sáu) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/9/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/9/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 104; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Phan Văn D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/9/2016.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Quang S và người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Đặng Thị Y phải liên đới chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm (kỷ phần của mỗi người là 100.000đ); các bị cáo Nguyễn Văn T, Phan Văn D và Đặng Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thị xã P;
- TAND thị xã P;
- Công an thị xã P;
- THA thị xã P;
- Các bị cáo;
- Người ĐDHP của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Toà Hình sự, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn